

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2025

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi
Ô Môn - Xà No, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2025

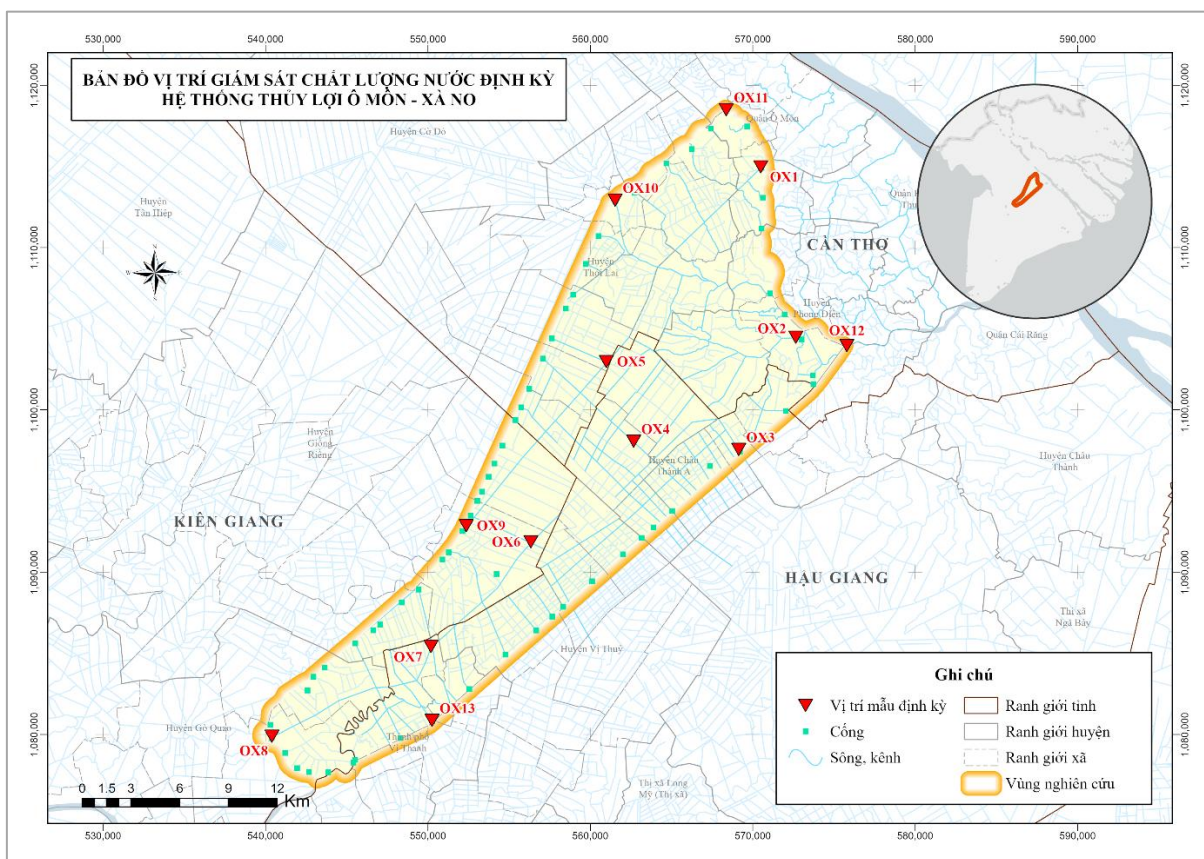
BẢN TIN TUẦN 23

Đợt đo ngày 09/7/2025, dự báo từ 18/7 đến 24/7/2025

I. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 09/7/2025

1. Vị trí lấy mẫu

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được đặt ở những điểm các kênh trực quan trọng trong khu vực nội đồng, có tầm ảnh hưởng lớn đến các khu vực xung quanh. Những kênh có cống thì trạm được đặt gần cống, phía trong đồng nhằm mục đích đánh giá được chính xác và tổng quan nhất mức độ ô nhiễm của nguồn nước khi vận hành công trình. Vị trí quan trắc 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



Hình 1. Bản đồ vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

Bảng 1. Thông tin vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc		Xã/ Phường	Tỉnh/ Thành phố
			X	Y		
1	OX1	Cổng KH8-Đ	570.038	1.114.412	P. Phước Thới	TP. Cần Thơ
2	OX2	Cổng KH9-Đ	572.511	1.104.363	Nhơn Ái	TP. Cần Thơ
3	OX3	Cổng Bà Đầm C	569.025	1.097.787	Tân Hòa	TP. Cần Thơ
4	OX4	Giao giữa kênh KH9 và 4000	562.609	1.098.063	Trường Long Tây	TP. Cần Thơ
5	OX5	Kênh KH8 (gần kênh Tô Ma)	561.066	1.102.877	Trường Xuân	TP. Cần Thơ
6	OX6	Giao giữa kênh KH9 và 14000	556.360	1.091.827	Hòa Hưng	An Giang
7	OX7	Giao giữa kênh lộ 62 và KH9	550.263	1.085.552	P. Vị Tân	TP. Cần Thơ
8	OX8	Cổng KH9-C	541.037	1.080.244	Vĩnh Hòa Hưng	An Giang
9	OX9	Cổng KH8-C	552.403	1.092.846	Hòa Hưng	An Giang
10	OX10	Cổng Xẻo Xào	561.676	1.112.424	Thới Lai	TP. Cần Thơ
11	OX11	Cầu Ô Môn	568.242	1.118.461	P. Ô Môn	TP. Cần Thơ
12	OX12	Ngã 3 sông Cần Thơ và kênh Xà No, bến đò Vàm Xáng	575.794	1.103.901	Nhơn Ái	TP. Cần Thơ
13	OX13	Cầu Đoàn Kết	550.523	1.080.890	P. Vị Tân	TP. Cần Thơ

2. Kết quả tính toán chất lượng nước và khuyến cáo sử dụng nguồn nước

Bảng 2. Kết quả đo đặc chất lượng nước ngày 09/7/2025

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100mL		
1	OX1 (Cổng KH8-Đ)	6,30	28,10	0,10	76	2,36	6,26	6,03	1,60	0,216	430	98	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với mức B - Bảng 2 QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp. Hàm lượng tổng Nitơ cao hơn quy chuẩn mức B - Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT, cần xử lý nguồn nước đạt chuẩn trước khi sử dụng, không sử dụng cho mục đích ăn uống.
2	OX2 (Cổng KH9-Đ)	6,50	28,40	0,10	26	2,39	6,82	5,97	1,26	0,126	900	98	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với mức B - Bảng 2 QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp.
3	OX3 (Cổng Bà Đàm C)	6,42	28,50	0,10	72	2,51	6,10	6,22	1,23	0,145	1500	99	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với mức B - Bảng 2 QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp.
4	OX4 (Giao giữa	6,39	28,70	0,20	77	2,36	7,06	5,92	2,09	0,216	2300	98	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với mức B - Bảng 2

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100mL		
	kênh KH9 và 4000)												QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp. Hàm lượng tổng Nitơ cao hơn quy chuẩn Mức B - Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT, cần xử lý nguồn nước đạt chuẩn trước khi sử dụng, không sử dụng cho mục đích ăn uống.
5	OX5 (Kênh KH8 - gần kênh Tô Ma)	6,48	28,50	0,20	110	2,64	7,22	5,89	1,91	0,186	1500	98	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với mức B - Bảng 2 QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp. Hàm lượng tổng Nitơ cao hơn quy chuẩn Mức B - Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT, cần xử lý nguồn nước đạt chuẩn trước khi sử dụng, không sử dụng cho mục đích ăn uống. Hàm lượng TSS cao hơn quy chuẩn Mức B - Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT, cần lắng lọc trước khi sử dụng.
6	OX6 (Giao giữa kênh KH9 và 14000)	6,28	28,30	0,10	50	2,30	6,98	5,91	2,09	0,175	230	98	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với mức B - Bảng 2 QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp.

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100mL		
													Hàm lượng tổng Nitơ cao hơn quy chuẩn Mức B - Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT, cần xử lý nguồn nước đạt chuẩn trước khi sử dụng, không sử dụng cho mục đích ăn uống.
7	OX7 (Giao giữa kênh lộ 62 và KH9)	6,23	28,20	0,10	30	2,57	7,30	6,31	1,71	0,264	430	99	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với mức B - Bảng 2 QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp. Hàm lượng tổng Nitơ cao hơn quy chuẩn Mức B - Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT, cần xử lý nguồn nước đạt chuẩn trước khi sử dụng, không sử dụng cho mục đích ăn uống.
8	OX8 (Cống KH9-C)	6,05	28,60	0,10	52	2,51	7,71	6,03	1,43	0,227	430	98	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với mức B - Bảng 2 QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp.
9	OX9 (Cống KH8-C)	6,32	28,90	0,10	66	2,60	6,98	6,21	1,92	0,272	2100	99	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với mức B - Bảng 2 QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp. Hàm lượng tổng Nitơ cao hơn quy chuẩn Mức B - Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT, cần xử

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100mL		
													lý nguồn nước đạt chuẩn trước khi sử dụng, không sử dụng cho mục đích ăn uống.
10	OX10 (Cổng Xẻo Xào)	6,45	28,50	0,10	50	2,51	6,58	6,13	1,13	0,152	1500	99	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với mức B - Bảng 2 QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp.
11	OX11 (Cầu Ô Môn)	6,47	28,80	0,10	54	2,30	6,66	6,06	1,22	0,141	3900	94	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với mức B - Bảng 2 QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp.
12	OX12 (Ngã 3 sông Cần Thơ và kênh Xà No, bến đò Vàm Xáng)	6,42	28,40	0,10	32	2,36	7,63	6,32	1,43	0,208	900	99	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với mức B - Bảng 2 QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức rất tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp.
13	OX13 (Cầu Đoàn Kết, TP. Vị Thanh)	6,29	28,30	0,20	24	2,27	6,82	6,41	2,08	0,223	4300	93	Theo WQI và kết quả phân tích các chỉ số chất lượng nước (so sánh với mức B - Bảng 2 QCVN08:2023), chất lượng nguồn nước tại đây đang ở mức tốt, có thể sử dụng nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp.

TT	Ký hiệu	pH	Nhiệt độ	Độ mặn	TSS	BOD ₅	COD	DO	Tổng N (TN)	Tổng P (TP)	Tổng Coliform	WQI	Khuyến cáo
			°C	g/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	mg/L	MPN/100mL		
													Hàm lượng tổng Nitơ cao hơn quy chuẩn Mức B - Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT, cần xử lý nguồn nước đạt chuẩn trước khi sử dụng, không sử dụng cho mục đích ăn uống.
	QCVN08:2023/ BTNMT (Bảng 2, mức B)	6 - 8,5			≤ 100	≤ 6	≤ 15	≥ 5	≤ 1,5	≤ 0,3	≤ 5000		

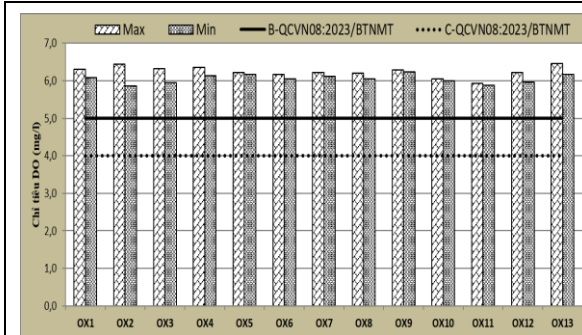
Ghi chú: Thang đo giá trị WQI và mức đánh giá chất lượng nước tương ứng

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước (phù hợp sử dụng)
91 - 100	Rất tốt, cấp nước cho sinh hoạt
76 - 90	Tốt, cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
51 - 75	Trung bình, cấp tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26 - 50	Kém, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10 - 25	Ô nhiễm nặng, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
< 10	Ô nhiễm rất nặng

II. Dự báo chất lượng nước từ ngày 18-24/7/2025

Các dự báo về chất lượng nước từ ngày 18-24/7/2025 được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

1. Chỉ tiêu DO



Hình 2. Giá trị DO dự báo

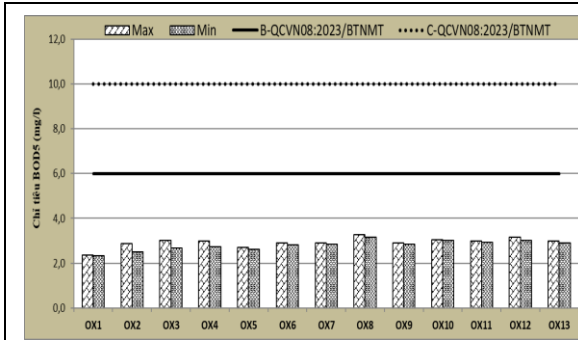
- Dự báo trong 7 ngày tới, giá trị DO nhỏ nhất biến đổi từ 5,96 mg/l đến 6,45 mg/l. Các trạm đều có giá trị DO nằm trên mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT.
- Kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước DO đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 3. Kết quả dự báo thông số DO các trạm từ ngày 18-24/7/2025

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	18/7	19/7	20/7	21/7	22/7	23/7	24/7
1	OX1	6,08	6,12	6,21	6,23	6,30	6,25	6,12
2	OX2	5,86	5,90	6,17	6,29	6,42	6,43	6,44
3	OX3	5,96	5,94	5,99	6,04	6,15	6,23	6,33
4	OX4	6,13	6,13	6,17	6,22	6,26	6,33	6,36
5	OX5	6,18	6,19	6,20	6,20	6,21	6,21	6,22
6	OX6	6,05	6,06	6,08	6,10	6,14	6,15	6,17
7	OX7	6,12	6,14	6,16	6,18	6,18	6,20	6,21
8	OX8	6,05	6,08	6,14	6,07	6,12	6,18	6,20
9	OX9	6,24	6,25	6,27	6,27	6,29	6,29	6,29
10	OX10	6,00	6,01	6,01	6,02	6,02	6,03	6,05
11	OX11	5,88	5,87	5,89	5,90	5,90	5,92	5,93
12	OX12	5,97	5,96	6,11	6,14	6,13	6,22	6,17
13	OX13	6,16	6,18	6,23	6,23	6,22	6,45	6,42

2. Chỉ tiêu BOD₅



Hình 3. Giá trị BOD₅ dự báo

- Dự báo trong 7 ngày tới, giá trị BOD₅ lớn nhất biến đổi từ 2,34 mg/l đến 3,28 mg/l. Một số điểm có giá trị BOD₅ ở mức cao như OX3, OX4, OX8, OX12. Tuy nhiên nhìn chung, giá trị BOD₅ trong vùng nghiên cứu đều đang ở mức thấp hơn khá nhiều so với mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT.

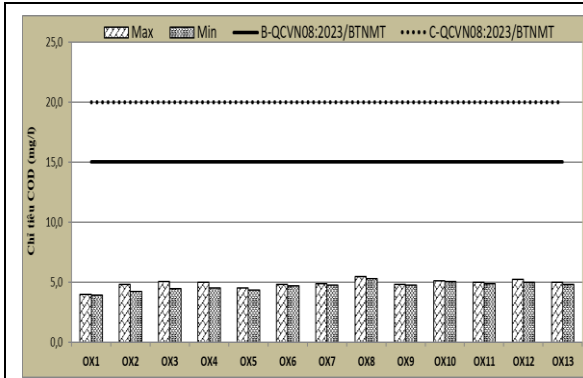
- Kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước BOD₅ trong tuần tới đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 4. Kết quả dự báo thông số BOD₅ các trạm từ ngày 18-24/7/2025

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	18/7	19/7	20/7	21/7	22/7	23/7	24/7
1	OX1	2,34	2,36	2,35	2,35	2,36	2,36	2,37
2	OX2	2,57	2,54	2,51	2,61	2,80	2,83	2,88
3	OX3	2,81	2,93	2,66	2,80	2,86	2,75	3,01
4	OX4	2,73	2,73	2,72	2,75	2,82	2,88	2,97
5	OX5	2,71	2,69	2,68	2,64	2,63	2,61	2,62
6	OX6	2,82	2,86	2,86	2,84	2,85	2,87	2,90
7	OX7	2,85	2,87	2,87	2,88	2,90	2,88	2,90
8	OX8	3,25	3,16	3,18	3,25	3,27	3,28	3,28
9	OX9	2,84	2,85	2,86	2,87	2,87	2,88	2,89
10	OX10	3,05	3,03	3,02	3,01	3,01	3,02	3,03
11	OX11	2,97	2,96	2,94	2,92	2,96	2,97	2,95
12	OX12	3,06	3,07	3,01	3,02	3,14	3,15	3,12
13	OX13	2,92	2,96	2,89	3,00	2,92	2,97	2,96

3. Chỉ tiêu COD



Hình 4. Giá trị COD dự báo

- Tương đồng với xu thế BOD₅, dự báo trong 7 ngày tới, giá trị COD lớn nhất biến đổi từ 3,90 mg/l đến 5,47 mg/l. Một số khu vực có giá trị COD cao như OX3, OX4, OX8, OX12. Tuy nhiên nhìn chung, giá trị COD trong vùng nghiên cứu đều đang ở mức thấp hơn nhiều so với mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT.

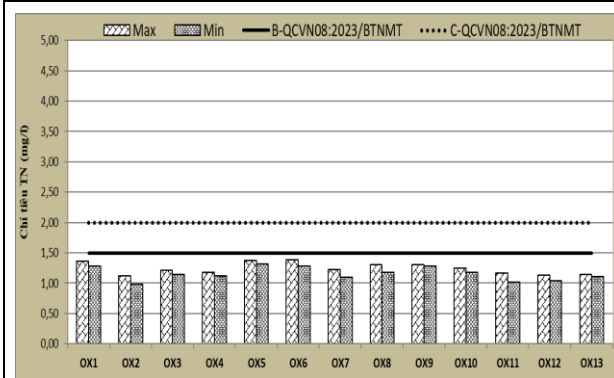
- Kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước COD trong tuần tới đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 5. Kết quả dự báo thông số COD các trạm từ ngày 18-24/7/2025

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	18/7	19/7	20/7	21/7	22/7	23/7	24/7
1	OX1	3,90	3,93	3,92	3,92	3,93	3,93	3,94
2	OX2	4,28	4,23	4,19	4,36	4,66	4,71	4,80
3	OX3	4,69	4,88	4,43	4,67	4,77	4,59	5,02
4	OX4	4,54	4,54	4,53	4,59	4,70	4,80	4,96
5	OX5	4,52	4,48	4,46	4,41	4,38	4,35	4,37
6	OX6	4,69	4,77	4,77	4,74	4,75	4,79	4,83
7	OX7	4,75	4,79	4,79	4,80	4,83	4,80	4,84
8	OX8	5,42	5,26	5,30	5,42	5,45	5,46	5,47
9	OX9	4,73	4,75	4,76	4,78	4,79	4,80	4,82
10	OX10	5,09	5,05	5,03	5,02	5,02	5,03	5,06
11	OX11	4,96	4,94	4,90	4,87	4,93	4,95	4,92
12	OX12	5,10	5,11	5,01	5,03	5,23	5,25	5,20
13	OX13	4,86	4,93	4,81	4,99	4,87	4,95	4,94

4. Chỉ tiêu tổng Nito - TN



Hình 5. Giá trị TN dự báo

- Dự báo trong 7 ngày tới, giá trị TN lớn nhất biến đổi từ 0,98 mg/l đến 1,38 mg/l. Một số khu vực có giá trị TN cao như OX1, OX5, OX6, OX8, OX9 và OX11. Nhìn chung, giá trị TN trong vùng nghiên cứu đều ở mức thấp hơn so với mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT.

- Kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước TN trong tuần tới tuy dự báo ở mức cao hơn so với các tuần trước đây nhưng vẫn cơ bản đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 6. Kết quả dự báo thông số TN các trạm từ ngày 18-24/7/2025

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	18/7	19/7	20/7	21/7	22/7	23/7	24/7
1	OX1	1,35	1,35	1,35	1,36	1,33	1,31	1,28
2	OX2	0,98	0,99	1,00	1,02	1,11	1,11	1,12
3	OX3	1,16	1,21	1,18	1,16	1,19	1,14	1,16
4	OX4	1,17	1,15	1,14	1,12	1,15	1,15	1,13
5	OX5	1,37	1,35	1,34	1,34	1,35	1,36	1,32
6	OX6	1,34	1,32	1,28	1,31	1,35	1,38	1,34
7	OX7	1,22	1,22	1,15	1,19	1,17	1,15	1,10
8	OX8	1,30	1,30	1,28	1,27	1,26	1,21	1,18
9	OX9	1,29	1,28	1,30	1,31	1,31	1,31	1,31
10	OX10	1,24	1,21	1,19	1,17	1,17	1,17	1,18
11	OX11	1,01	1,02	1,05	1,08	1,13	1,17	1,16
12	OX12	1,09	1,07	1,07	1,13	1,09	1,07	1,04
13	OX13	1,10	1,13	1,11	1,14	1,10	1,11	1,13

III. Kết luận, kiến nghị

Kết quả phân tích đợt 12 - ngày 09/7/2025 cho thấy nguồn nước trong HTTL Ô Môn – Xà No có chỉ số WQI rất tốt, đáp ứng cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Hàm lượng tổng Nitơ tại các vị trí OX1, OX4, OX5, OX6, OX7, OX9 và OX13 cao hơn mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT, cần chú ý ô nhiễm dinh dưỡng quá mức gây phú dưỡng hóa.

So sánh kết quả dự báo các chỉ số DO, BOD₅, COD, TN tại 13 vị trí trong hệ thống thủy lợi Ô Môn – Xà No từ ngày 18-24/7/2025 với mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT cho thấy nguồn nước đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Từ đầu mùa mưa đến nay, vùng biển Đông đã xuất hiện 2 cơn bão (số 1 và số 2) gây mưa lớn trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công và vùng ĐBSCL, góp phần cải thiện nền nước toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt trong thời đoạn giữa tháng 6 năm 2025 đến nay, tạo điều kiện thuận lợi cho lấy nước ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp trong nội vùng. Tuy nhiên, vùng Ô Môn – Xà No thuộc vùng giáp nước có biên độ triều thấp nên tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm do tồn đọng chất thải trên các sông kênh, đặc biệt tại các khu vực đông dân cư và khu vực nằm sâu bên trong nội đồng. Nguy cơ xảy ra ngập úng và ô nhiễm nguồn nước do chất thải từ trên mặt đất chảy tràn xuống sông, kênh, rạch khi có mưa lớn là rất cao. Kiến nghị các địa phương thường xuyên theo dõi cập nhật dự báo về nguồn nước và chất lượng nước liên quan đến HTTL Ô Môn – Xà No để kịp thời có biện pháp xử lý phù hợp, đảm bảo chất lượng nguồn nước cho sản xuất.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT (để b/c);
- Cục QL&XDCTTL (để b/c);
- Sở NN&MT tỉnh An Giang và TP. Cần Thơ;
- Chi cục Thủy lợi tỉnh An Giang và TP. Cần Thơ;
- Phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các xã/phường thuộc tỉnh An Giang và TP. Cần Thơ;
- Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam;
- Lưu: P.KHCN&HTQT.

KT. VIỆN TRƯỞNG 
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Phạm Văn Mạnh